TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2025/HS-ST
Ngày: 16-5-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm T Tiền

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Cư

Bà Trần Thị Tuyết

Thư ký phiên tòa*:* Ông Nguyễn Đình Tùng Lâm – Thư ký Toà án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:* Ông Nguyễn Quang Đẩu - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15 và 16 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 36/2025/TLST-HS ngày 17 tháng 3 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 70/2025/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 4 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Ngọc Minh T, sinh năm 1992 tại: Thành phố Hồ Chí Minh; giới tính: Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 247/33/79 L, Phường C, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 118/147 P, Phường O, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Nhân viên; Học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn Đ1; con bà: Dương Thị Ngọc Đ2; Có vợ tên Bùi Thị X; Có 01 người con, sinh năm 2023; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/8/2024 (có mặt tại phiên tòa).

2. Hoàng Xuân Đ, sinh năm 1988 tại: Bà Rịa-Vũng Tàu; giới tính: Nam; Nơi thường trú: 629/10 C, Phường O, Quận J Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Nhân viên; Học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hoàng Văn S; con bà: Nguyễn Thị Kim T6; Có vợ tên Lý Thị Tuyết M; Có 01 người con, sinh năm 2018; Tiền án: Ngày 19/11/2021 bị Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xử phạt 06 (sáu) tháng tù về tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản", có kháng cáo, đến ngày 01/4/2022 Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xử phạt 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản", đến ngày 01/4/2023 đã chấp hành xong hình phạt (đã chấp hành xong bản án): Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 07/01/2010 bị Tòa

án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Cướp giật tài sản", đến ngày 03/11/2014 đã chấp hành xong hình phạt (đã chấp hành xong bản án).

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/8/2024 (có mặt tại phiên tòa).

3. Nguyễn Văn T1, sinh năm 1994 tại: Đồng Tháp; giới tính: Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp MT C, xã MQ, huyện TM, tỉnh Đồng Tháp; Chỗ ở: 122/27/56/2 TĐ, Phường J, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Nhân viên giao hàng; Học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Thành T2; con bà: Nguyễn Thị T3; Có vợ tên Đỗ Phương T4; Có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

Bị hại: Công ty Cổ phần Dịch vụ Giao Hàng N; địa chỉ: 405/15 X, Phường Z, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lương Duy H (Tổng giám đốc).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Công T5, sinh năm 2000; Nơi cư trú: Chung cư N, xã P, huyện NB, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Đỗ Hữu Đ3, sinh năm 1961; Nơi cư trú: 122/27/56/2 T, Phường J, Quận D,Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

2. Ông Võ Quốc V, sinh năm 1985; Nơi cư trú: 141/33 F, Phường O, Quận D, ,Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty cổ phần dịch vụ Giao Hàng N được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 031190729 do Sở kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/08/2012, địa chỉ trụ sở: 405/15 X, Phường Z, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh do ông Lương Duy H là người đại diện theo pháp luật; ngành nghề hoạt động là giao hàng thương mại điện tử, bưu chính, chuyển phát nhanh. Theo đó, khách hàng có nhu cầu vận chuyển hàng hóa thì khách sẽ tạo đơn hàng trên hệ thống của công ty tại website: https://khachhang.gh.vn. Sau khi nhận đơn từ khách hàng, nhân viên sẽ nhận đơn hàng và giao đến người nhận, trường hợp đơn hàng có thu tiền COD (tiền thu hộ) thì nhân viên thu của người nhận hàng sau đó nộp về cho công ty (Công ty là đơn vị thu hộ tiền COD sau đó hoàn trả lại cho khách chuyển hàng). Công ty có nhiều văn phòng, bưu cục trên cả nước, trong đó có địa điểm kinh doanh số 95 trực thuộc Công ty Cổ phần dịch vụ Giao Hàng N, địa chỉ: AAG HV, Phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh (hay gọi tắt Bưu cục AAG). Ngày 19/02/2024, bà Trần Thị Thiện

M1 (giám đốc Kiểm toán nội bộ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Giao Hàng N) là đại diện của Công ty theo giấy ủy quyền số 20/GUQ ngày 17/01/2023 nhận được thông báo của Bưu cục AAG về việc các nhân viên của Bưu cục là Nguyễn Ngọc Minh T, Hoàng Xuân Đ và Nguyễn Văn T1 chiếm đoạt tiền COD của khách hàng từ ngày 01/01/2024 đến ngày 19/02/2024, tổng cộng là 15 đơn hàng với trị giá khoảng 135.290.763 đồng nên cùng ngày, bà M1 làm đơn tố cáo kèm theo các tài liệu liên quan đến việc T, Đồng và Toàn chiếm đoạt tiền của Bưu cục đến Công an Phường 4, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Vụ việc sau đó được chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 5 để thụ lý theo thẩm quyền.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Ngọc Minh T, Hoàng Xuân Đ và Nguyễn Văn T1 khai nhận: Từ tháng 12/2023, T, Đ và T1 ký kết hợp đồng làm động việc tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Giao Hàng N - Chi nhánh Quận E, địa chỉ 177 HV, Phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh. T được phân công làm quản lý nhân sự trong việc tuyển dụng, hướng dẫn nhân viên làm việc, điều hành nhân viên; quản lý hàng hoá, tiền, kiểm tra trạng thái giao hàng của nhân viên giao hàng, kiểm hàng tồn kho, hàng hoá từ khu vực khác chuyển về; kiểm tra và quản lý tiền giao hàng do nhân viên bàn giao để nộp vào tài khoản của Công ty, Đvà T1 có nhiệm vụ đi giao hàng cho khách, thu tiền hàng của khách (nếu có) và cước vận chuyển để nộp về cho Bưu cục. Vào ngày 01/01/2024, T và Đ bàn bạc, thống nhất chiếm đoạt tiền của Bưu cục bằng hình thức chọn trạng thái giao hàng không thành công đối với các đơn hàng mà Đ và T1 đã giao cho khách để chiếm đoạt tiền hàng và cước vận chuyển. Để che giấu hành vi phạm tội, T sử dụng phần mềm quét mã tự động để duyệt các đơn hàng (trạng thái giao hàng không thành công) của Đ và T1 đã được cấp vào đầu ngày nhưng thực tế hàng đã được giao cho khách. T phân công nhiệm vụ cho Đ là người tổng hợp số đơn của Đ, T1 kèm theo giá trị hàng và cước vận chuyển báo cho T qua ứng dụng Telegram; sau đó Đ tự đối trừ số tiền hàng hoá trên (gồm tiền cước 25.000 đồng và tiền hưởng lợi của Đ, T1) chuyển lại phần tiền dư cho T. Sau khi bàn bạc với T, Đ liên lạc trao đổi việc Đ đã bàn với T về cách thức chiếm đoạt tiền của Bưu cục với Toàn và T1 đồng ý. Trung bình mỗi ngày Đ và T1 sẽ nhập khống giao dịch không thành công tương đương số tiền khoảng 6.000.000 đến 10.000.000 đồng. Sau khi Đ và T1 đã giao hàng cho khách nhưng chọn trạng thái không thành công thì Đ có nhiệm vụ tổng hợp lại số đơn kèm theo giá trị đơn hàng trong ngày rồi thông báo cho T qua ứng dụng Telegram; sau đó Đ tự động đối trừ số tiền cước 25.000 đồng và chuyển lại phần tiền dư cho T; có lúc chuyển toàn bộ tiền cho T sau đó T sẽ chuyển ngược lại cho Đ số tiền cước như đã thoả thuận. Từ ngày 15/01/2024 đến ngày bị phát hiện, Đ và T1, mỗi người tự riêng mình chiếm đoạt các đơn hàng của Bưu cục, cụ thể Đ đã chiếm đoạt 07 đơn hàng của khách hàng, trong đó: 05 đơn hàng nhận chuyển khoản tương ứng mã đơn hàng lần lượt là G9YMBQM số tiền: 9.852.000 đồng, G9B4NHM số tiền 5.385.000 đồng; G9TRKML số tiền 20.845.000 đồng, G9B8UPX với số tiền 11.250.000 đồng, G9APM9C số tiền 11.570.000 đồng; 02 đơn hàng nhận tiền mặt tương ứng mã đơn hàng lần lượt là GV8KPEN số tiền 4.137.000 đồng, GVAAY7P số tiền:

6.050.000 đồng. Riêng T1 đã chiếm đoạt 08 đơn hàng của khách hàng gồm các mã đơn sau: GVW3XAW số tiền 5.219.000 đồng; GVT7KDL và G6GEM6F số tiền 11.900.000 đồng; GV8B39F số tiền 9.290.000 đồng, GVMRGEM, GVMRUMM, GVMR9UQ với số tiền 10.731.000 đồng; GV48TWA số tiền 29.298.000 đồng. Tất các các đơn hàng mà Đ và T1 chiếm đoạt đều chuyển hết lại cho T, tổng cộng T đã chiếm đoạt 15 đơn hàng với tổng số tiền là 135.290.763 đồng. T thu lợi bất chính số tiền khoảng 110.290.763 đồng. Đ thu lợi bất chính số tiền khoảng 20.000.000 đồng, đối với Toàn sau khi chiếm đoạt tiền từ 08 đơn hàng, T1 đã đưa hết cho Đ để Đ đưa lại cho T, T1 nhận tiền công vận chuyển từ các kiện hàng (thu lợi bất chính) khoảng 5.000.000 đồng.

Tiến hành xác minh làm việc với khách hàng trả tiền COD có đơn hàng bị chiếm đoạt, đã xác định được các đơn hàng cụ thể như sau:

Ông Hoàng Huy H1 xác nhận có T toán số tiền COD là 25.278.000 đồng đối với đơn hàng G9TRKML và GV8KPEN vào ngày 08/01/2024 cho Hoàng Xuân Đ.

Ông Hàn Phương T7 xác nhận có T toán số tiền COD là 9.852.000 đồng. đối với đơn hàng G9YMBQM vào ngày 10/01/2024 cho Hoàng Xuân Đ.

Bà Nguyễn Thị Khánh V1 xác nhận có T toán số tiền COD là 11.570.000 cho mã đơn hàng G9APM9C vào ngày 08/01/2024 cho Hoàng Xuân Đ.

Ông Từ Văn N xác nhận có T toán số tiền COD là 11.900.000 cho 02 đơn hàng GVT7KDL và G6GEM6F vào ngày 24/01/2024 cho Nguyễn Văn T1.

Bà Trần Thị Mỹ L xác nhận có T toán số tiền COD là 10.731.000 cho 03 đơn hàng GVMRGEM, GVMRUMM và GVMR9UQ vào ngày 29/01/2024 cho Nguyễn Văn T1.

Ông Trần Đức T8 xác nhận có T toán tiền COD là 9.290.000 cho đơn hàng GV8B39F vào ngày 08/01/2024 cho Nguyễn Văn T1.

Đối với 05 đơn hàng GVW3XAW, GV48TWA, G9B4NHM, GVAAY7P, G9B8UPX Công ty có cung cấp biên nhận giao dịch chuyển tiền, tiến hành xác minh các chủ đơn hàng do công ty Giao Hàng N cung cấp kết quả các chủ hàng không cư trú tại địa phương.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 5 tiến hành trích xuất thiết bị lưu trữ USB chứa dữ liệu ghi hình tại bưu cục ghi nhận hình ảnh Hoàng Xuân Đ và Nguyễn Văn T1 đã mang 15 đơn hàng ra khỏi bưu cục để chiếm đoạt tiền COD.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 37/KL-HĐĐGTS ngày 22/4/2024 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân Quận 5 kết luận như sau: Mã đơn hàng GVW3XAW trị giá 5.148.000 đồng; GV48TWA trị giá 29.298.000 đồng; GVT7KDL trị giá 5.913.000 đồng; GV8B39F trị giá 9.290.000 đồng; GVMRGEM trị giá 3.753.000 đồng; GVMRUMM trị giá 3.753.000 đồng; GVMR9UQ trị giá 3.223.550 đồng; G6GEM6F trị giá 5.820.749 đồng; GV8KPEN trị giá 4.139.000 đồng; G9YMBQM trị giá 9.852.000 đồng; G9B4NHM trị giá 5.384.999 đồng;

GVAAY7P trị giá 6.050.000 đồng; G9TRKML trị giá 20.844.983 đồng; G9B8U8UPX trị giá 11.250.000 đồng; G9APM9C trị giá 11.569.982 đồng. Tổng cộng 15 đơn hàng trị giá 135.290.763 đồng.

Vật chứng thu giữ: 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo Reno 6 Pro 5G, dung lượng 256G màu trắng, số Seri: FM659DLZFIT859IN, số Imei1: 863713052392218, số Imei2: 863713052392200; 01 (một) điện thoại di động hiệu Realme GT3, dung lượng 256G, màu trắng, số Imei1: 862274068197910, số Imei2: 862274068197902; 01 (một) điện thoại di động hiệu Mi 9T Pro, dung lượng 128G, màu đen, số Imei1: 868204040279589, số Imei2: 868204040279597.

Về trách nhiệm dân sự: Công ty Cổ phần Dịch vụ Giao Hàng N yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại tài sản bị chiếm đoạt trị giá 135.290.763 đồng (một trăm ba lăm triệu hai trăm chín mươi nghìn bảy trăm sáu mươi ba đồng).

Bản cáo trạng số: 44/CT-VKSQ5 ngày 13/3/2025 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc Minh T, Hoàng Xuân Đ về tội "Tham ô tài sản" theo điểm c, d Khoản 2 Điều 353 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); truy tố bị cáo Nguyễn Văn T1 về tội "Tham ô tài sản" theo điểm c Khoản 2 Điều 353 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5 giữ quyền công tố luận tội và tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc Minh T, Hoàng Xuân Đ, Nguyễn Văn T1 về tội "Tham ô tài sản".

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c, d Khoản 2 Điều 353; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Minh T với mức án từ 08 (tám) năm) đến 09 (chín) năm tù.

Áp dụng điểm c, d Khoản 2 Điều 353; điểm s Khoản 1 Điều 51; điểm h Khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Hoàng Xuân Đ với mức án từ 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng đến 08 (tám) năm tù.

Áp dụng điểm c Khoản 2 Điều 353; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 với mức án từ 07 (bảy) năm đến 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù.

Về vật chứng xử lý theo quy định pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Công ty Cổ phần Dịch vụ Giao Hàng N yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại tài sản bị chiếm đoạt trị giá 135.290.763 đồng (một trăm ba lăm triệu hai trăm chín mươi nghìn bảy trăm sáu mươi ba đồng). Tại phiên tòa, các bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại với số tiền làm tròn là 135.300.000 đồng (một trăm ba mươi lăm triệu ba trăm nghìn đồng), do đó Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét ghi nhận.

Bị cáo không có ý kiến bổ sung bào chữa, không tranh luận và nói lời nói sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ngoài ra, không còn ý kiến tranh luận nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 5, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa công khai, các bị cáo Nguyễn Ngọc Minh T, Hoàng Xuân Đ, Nguyễn Văn T1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai bị hại, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận như sau: Bị cáo Nguyễn Ngọc Minh T, Hoàng Xuân Đ, Nguyễn Văn T1 là nhân viên của Bưu cục số AAG HV, Phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc Công ty Cổ phần Dịch vụ Giao Hàng N, bị cáo Nguyễn Ngọc Minh T được giao nhiệm vụ quản lý kho, xử lý, giao nhận đơn hàng, quản lý nhân viên, giao hàng cho Bưu cục; các bị cáo Hoàng Xuân Đ và Nguyễn Văn T1 là nhân viên giao hàng cho Bưu cục. Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 19/02/2024, bị cáo T, Đ đã chiếm đoạt tiền Cod (tiền thu hộ) của 15 đơn hàng với tổng giá trị là 135.290.763 đồng. Trong đó, bị cáo Nguyễn Văn T1 chỉ tham gia cùng với các bị cáo T, Đ (thông qua bị cáo Đ) chiếm đoạt của Công ty 08 đơn hàng với tổng trị giá là 66.438.000 đồng. Các bị cáo đã chiếm đoạt số tiền của Công ty nhiều lần và mỗi lần đều trên 2.000.000 đồng. Do đó, hành vi của các bị cáo Nguyễn Ngọc Minh T và Hoàng Xuân Đ đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tham ô tài sản", với tình tiết định khung hình phạt là "phạm tội 02 lần trở lên" và "Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng" được quy định tại điểm c, d Khoản 2 Điều 353 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Bị cáo Nguyễn Văn T1 đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tham ô tài sản", với tình tiết định khung hình phạt là "phạm tội 02 lần trở lên" được quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 353 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xét các bị cáo là người có năng lực hành vi, đủ khả năng nhận thức được việc làm của mình, biết hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo bất chấp pháp luật, cố ý phạm tội để chiếm đoạt tài sản sử dụng vào mục đích cá nhân của các bị cáo.

Xét đây là vụ án có đồng phạm nhưng mang tính giản đơn, trong vụ án này bị cáo T là người khởi xướng, bởi bị cáo T là người quản lý của Bưu cục nên có vai trò quan trọng trong việc sắp xếp chiếm đoạt tài sản của Công ty và được hưởng lợi nhiều nhất là 110.290.763 đồng, bị cáo Hoàng Xuân Đ là đồng phạm giúp sức tích cực, trực tiếp giao hàng và giúp cho bị cáo T chiếm đoạt 15 đơn hàng và đồng thời là người liên kết kêu bị cáo T1 tham gia chiếm đoạt tài sản cùng với bị cáo và T, được hưởng lợi 20.000.000 đồng; còn bị cáo T1 là đồng phạm giúp sức tham gia giao hàng và chiếm đoạt các đơn hàng mà bị cáo đã giao (08 đơn hàng) và được hưởng lợi 5.000.000 đồng, đối với các đơn hàng khác do bị cáo Đ giao và chiếm đoạt cùng với bị cáo T thì bị cáo T1 không biết.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản của Công ty Cổ phần Dịch vụ Giao Hàng N được pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự xã hội ở địa phương. Do đó, cần phải có một mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của từng bị cáo; nhằm mục đích giáo dục các bị cáo, bên cạnh đó có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo T và T1phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo Đ phạm tội có 01 tiền án chưa được xóa án tích nay lại tiếp tục phạm tội nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, thể hiện thái độ ăn năn hối cải; bị cáo T và T1 nhân thân chưa có tiền án, tiền sự. Do đó, cần xem xét cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Riêng bị cáo T và T1 được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Về hình phạt áp dụng đối với bị cáo: Căn cứ Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Hội đồng xét xử xét thấy cần phải buộc các bị cáo chấp hành hình phạt tù một thời gian nhất định, để các bị cáo có thể cải tạo thành người có ích cho xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo phạm tội vì mục đích hưởng lợi nhưng có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không xem xét áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Viện kiểm sát nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố để xét xử và đề nghị mức hình phạt đối với các bị cáo là có cơ sở pháp luật, đúng người, đúng tội, không oan sai.

[8] Đối với tài khoản "Đỗ Hữu Đ3" mà Hoàng Xuân Đ sử dụng để nhận chuyển khoản tiền của khách hàng. Ông Đỗ Hữu Đ3 khai cho Hoàng Xuân Đ (là con rể ông Đ3) mượn căn cước công dân để đăng ký tài khoản chạy giao

hàng cho Công ty Giao Hàng N, ông Đ3 không biết Đ dùng vào mục đích chiếm đoạt tài sản của Công ty Giao Hàng N nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không có cơ sở xử lý đối với ông Đ3.

Đối với tài khoản Võ Quốc V mà Nguyễn Văn T1 sử dụng, ông V xác nhận T1 là anh em cột chèo của V, nên cho T1 mượn căn cước công dân dùng vào mục đích tạo tài khoản để chạy giao hàng, không biết T1 dùng vào mục đích chiếm đoạt tài sản của Công ty Giao hành N. Ông V không hưởng lợi gì từ việc từ số tiền do T1 đã chiếm đoạt của Công ty Giao Hàng N nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không có cơ sở xử lý đối với ông V.

Đối với tài khoản "Huỳnh Đông Bảo H1", Cơ quan điều tra xác minh được biết là tài khoản ảo do Nguyễn Ngọc Minh T tạo ra để cho Hoàng Xuân Đ và Nguyễn Văn T1 chạy giao hàng nên không có thông tin về tài khoản Huỳnh Đông Bảo H1.

[9] Về xử lý vật chứng: Xét 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo Reno 6 Pro 5G, dung lượng 256G màu trắng, số Seri: FM659DLZFIT859IN, số Imei1: 863713052392218, số Imei2: 863713052392200; 01 (một) điện thoại di động hiệu Mi 9T Pro, dung lượng 128G, màu đen, số Imei1: 868204040279589, số Imei2: 868204040279597 là tài sản cá nhân của các bị cáo T và T1, sử dụng vào việc phạm tội nên Hội đồng xét xử tịch thu sung ngân sách nhà nước.

Xét 01 (một) điện thoại di động hiệu Realme GT3, dung lượng 256G, màu trắng, số Imei1: 862274068197910, số Imei2: 862274068197902 là tài sản cá nhân của bị cáo T1, không liên quan đến việc phạm tội nên Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo T1.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Công ty Cổ phần Dịch vụ Giao Hàng N yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại tài sản bị chiếm đoạt trị giá 135.290.763 đồng (một trăm ba mươi lăm triệu hai trăm chín mươi nghìn bảy trăm sáu mươi ba đồng). Tại phiên tòa, các bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại với số tiền làm tròn là 135.300.000 đồng (một trăm ba mươi lăm triệu ba trăm nghìn đồng), cụ thể bị cáo Nguyễn Ngọc Minh T tự nguyện bồi thường cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Giao Hàng N số tiền 110.300.000 đồng (một trăm mười triệu ba trăm nghìn đồng), bị cáo Hoàng Xuân Đ tự nguyện bồi thường cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Giao Hàng N số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), bị cáo Nguyễn Văn T1 tự nguyện bồi thường cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Giao Hàng N số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng). Xét đây là sự tự nguyện bồi thường của các bị cáo, phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận và buộc các bị cáo phải có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại cho bị hại và chịu trách nhiệm cá nhân tương ứng với các số tiền mà các bị cáo đã tự nguyện bồi thường đã nêu trên.

[11] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c, d Khoản 2 Điều 353; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Minh T 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội: "Tham ô tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày 07 tháng 8 năm 2024.

Căn cứ điểm c, d Khoản 2 Điều 353; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; điểm h Khoản 1 Điều 52; Khoản 1 Điều 53; Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Hoàng Xuân Đ 07 (bảy) năm 09 (chín) tháng tù về tội: "Tham ô tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày 07 tháng 8 năm 2024.

Căn cứ điểm c Khoản 2 Điều 353; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 07 (bảy) năm tù về tội: "Tham ô tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Tiếp tục duy trì Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Nguyễn Văn T1 cho đến khi chấp hành án.

Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 357; Khoản 1 Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc các bị cáo Nguyễn Ngọc Minh T, Hoàng Xuân Đ, Nguyễn Văn T1 có trách liên đới bồi thường cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Giao Hàng N với số tiền 66.438.000 đồng (sáu mươi sáu triệu bốn trăm ba mươi tám nghìn đồng).

Buộc các bị cáo Nguyễn Ngọc Minh T, Hoàng Xuân Đ có trách liên đới bồi thường cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Giao Hàng N với số tiền 68.862.000 đồng (sáu mươi tám triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn đồng).

Cụ thể, bị cáo Nguyễn Ngọc Minh T phải bồi thường cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Giao Hàng N số tiền 110.300.000 đồng (một trăm mười triệu ba trăm nghìn đồng), bị cáo Hoàng Xuân Đ phải bồi thường cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Giao Hàng N số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), bị cáo Nguyễn Văn T1 phải bồi thường cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Giao Hàng N số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và Công ty Cổ phần Dịch vụ Giao Hàng N có đơn yêu cầu thi hành án mà các bị cáo không T toán khoản tiền bồi thường thiệt hại nêu trên, thì hàng tháng các bị cáo còn phải chịu thêm khoản tiền lãi chậm trả theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng trên số tiền mà các bị cáo phải chịu bồi thường.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo Reno 6 Pro 5G, dung lượng 256G màu trắng, số Seri: FM659DLZFIT859IN, số

Imei1: 863713052392218, số Imei2: 863713052392200; 01 (một) điện thoại di động hiệu Mi 9T Pro, dung lượng 128G, màu đen, số Imei1: 868204040279589, số Imei2: 868204040279597.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T1: 01 (một) điện thoại di động hiệu Realme GT3, dung lượng 256G, màu trắng, số Imei1: 862274068197910, số Imei2: 862274068197902.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/4/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh).

Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Luật phí và lệ phí.

Bị cáo Nguyễn Ngọc Minh T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 5.515.000 đồng (năm triệu năm trăm mười lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm..

Bị cáo Hoàng Xuân Đ phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.000.000 đồng (một triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Văn T1 phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo; bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TpHCM;
- Sở Tư pháp TpHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TpHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 5;
- Cơ quan CSĐT Công an TPHCM;
- Bộ phận THA HS Tòa án Quận 5;
- Phòng PV 06 – Công an TPHCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm T Tiền